TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 358/2018/DS-ST Ngày: 17/7/2018 V/v Tranh chấp Hợp đồng dân sự - vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Tự

Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1979/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự - vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2652/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3082/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A; trú tại: Đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà B; trú tại: Đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 27/10/2017) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà C, trú tại: Đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà D, trú tại: Đường S, xã T, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông E, trú tại: Đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông F, trú tại: Đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

+ Ông G, trú tại: Đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa Nguyên đơn - Ông A do bà B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông A có cho bà C vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 1%/tháng, hai bên có ký Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn; trong hợp đồng không có thỏa thuận thế chấp tài sản nhưng bà C có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông A giữ để làm tin. Sau khi vay tiền bà C tự nguyện trả cho ông A tiền lãi theo lãi suất 5%/tháng, trả được 02 tháng là 20.000.000 đồng rồi ngưng và không trả lại tiền vay khi hết hạn hợp đồng.

Do đó, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C trả số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 02/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất 3%/tháng; sau khi bà C trả hết tiền vay và tiền lãi cho ông A; ông A sẽ trả lại bản chính giấy tờ sở hữu căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà C.

Bị đơn – Bà C xác nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông A theo hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2015; bà đồng ý trả cho ông A 200.000.000 đồng nhưng xin tính lại tiền lãi đã trả và đề nghị ông A cho bà thời gian để làm thủ tục vay tiền Ngân hàng hoặc bán nhà lấy tiền trả cho ông A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà D, ông E, ông F và ông G trình bày:

Việc bà C là mẹ của các ông, bà vay số tiền 200.000.000 đồng và giao bản chính giấy tờ sở hữu căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông A giữ các ông, bà không biết; đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà C trả cho ông A số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 2/2016 cho đến Tòa án xét xử sơ thẩm theo lãi suất là 1%/tháng.

Bà C, bà D, ông E, ông F và ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Thẩm phán xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 18/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn bà C có ký Hợp đồng với ông A vay số tiền 200.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng lãi suất 1%/tháng. Trong quá trình vay bà C đã không thực hiện như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Việc vay mượn tiền giữa bà C và ông A là có thật. Do đó, Ông A yêu cầu bà C trả số tiền 200.000.000 đồng và trả lãi suất như hai bên thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A trả cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông A có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự - vay tài sản với bà C cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - Bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà D, ông E, ông F và ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn - ông A vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa; do đó, Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội D:

[2.1] Xét thấy, thời điểm Ông A và bà C giao kết hợp đồng vay tài sản, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật; theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa ông A và bà C sẽ được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2.2] Xét, yêu cầu của ông A đòi bà C trả số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2015 có chứng nhận của Công chứng viên Phòng Công chứng Sài Gòn do nguyên đơn xuất trình và lời trình bày của các đương sự tại Tòa; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ông A có cho bà C vay số tiền 200.000.000 đồng; việc thỏa thuận vay tiền giữa ông A và bà C phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng đã hết nhưng bà C không trả lại số tiền đã vay cho ông A; do đó, yêu cầu của ông A đòi bà C trả số tiền vay 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 và Khoản 1, Điều 474 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét, yêu cầu của ông A đòi bà C trả tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Tòa hai bên xác nhận lãi suất thực tế bà C trả cho ông A là 5%/tháng và đã trả 2 tháng là 20.000.000 đồng; bà C đề nghị tính lại tiền lãi bà đã trả vì lãi suất 5%/ tháng là quá cao; người đại diện theo ủy quyền của ông A đề nghị Tòa án tính lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/tháng.

Căn cứ theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2015 thì mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự, nên tiền lãi bà C phải trả cho ông A sẽ được tính theo mức lãi suất 1%/tháng. Như vậy, số tiền lãi bà C phải trả cho ông A từ ngày 18/12/2015 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm là 62.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 1%/tháng x 31 tháng). Số tiền lãi bà C đã trả cho ông A là 20.000.000 đồng; do đó, số tiền lãi bà C còn phải trả cho ông A là 42.000.000 đồng;

Tại Tòa hai bên xác nhận khi vay tiền của ông A, bà C có giao cho ông A giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

gắn liền với đất của căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh để làm tin; phía bà C, bà D, ông E, ông F và ông G không có đơn yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập tranh chấp đòi giấy tờ nhà theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, ông A tự nguyện trả lại giấy tờ sở hữu nhà cho bà C khi bà C trả hết tiền vay và tiền lãi là không trái quy định của pháp luật; nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện của ông A trả lại cho bà C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh khi bà C trả xong tất cả các khoản tiền cho ông A.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 242.000.000 đồng (200.000.000 đồng + 42.000.000 đồng) phải trả cho ông A là 12.100.000 đồng.

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 8.000.000 (tám triệu) đồng.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Khoản 1 Điều 474 và Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông A;

Buộc bà C trả cho ông A số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) và tiền lãi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu); tổng cộng là 242.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A trả lại cho bà C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của căn nhà đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh khi bà C trả xong tất cả các khoản tiền nêu trên cho ông A.

2. Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.100.000 đồng.

Hoàn lại cho ông A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0022231 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C, bà D, ông E, ông F và ông G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 1, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thái Hằng